TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 52/2023/DS-ST Ngày: 21/9/2023 V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tín.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mưng Niê;

2. Ông Nguyễn Ngọc Thọ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:* Ông Y Đum Kpă – Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2022/TLST-DS ngày 14/11/2022 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2023/QĐST-DS ngày 31/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; Có mặt.

Địa chỉ: Buôn D, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Cao Thị B; Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày*:** Ngày 15/4/2022 ông Nguyễn Văn T, bà Cao

Thị B có đến nhà tôi để mua cây giống sầu riêng về trồng; sau khi mua và lấy cây giống về trồng thì ông T, bà H không có tiền trả nên nói tôi cho nợ chuyển sang thành vay tiền của tôi với số tiền 24.950.000 đồng. Ông T ký giấy nợ tiền cho tôi và hẹn trả vào ngày 16/4/2022. Tuy nhiên đến ngày 14/6/2022 ông T bà H chỉ trả được 3.000.000 đồng; số nợ còn lại là 21.950.000 đồng cho đến nay nhiều lần tôi yêu cầu trả thì ông T, bà B cố tình trốn tránh khất lần. Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị B phải trả cho tôi số tiền nợ gốc 21.950.000 đồng và nợ lãi theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên đề nghị Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị H số nợ gốc 21.950.000 đồng và nợ lãi theo quy định tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 21/9/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị B phải trả số tiền nợ gốc là 21.950.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Giấy nợ đề ngày 15/4/2022 thể hiện nội dung ông Nguyễn Văn T, vợ là bà

Cao Thị B có mua cây sầu riêng của chị Nguyễn Thị H, với số nợ 24.950.000 đồng, hẹn ngày 16/4/2022 trả; ngày 14/6/2023 trả được 3.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập ông T, bà H đến Toà án làm việc nhưng ông T, bà B vắng mặt không có lý do. Tại Kết luận giám định số 1024/KL-KTHS ngày 31/8/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn v T" dưới mục "Người nợ" đúng là chữ viết, chữ ký của bị đơn ông Nguyễn Văn T. Mặc dù Giấy nợ không có chữ ký của bà Cao Thị B nhưng xét thấy mục đích nợ tiền là từ việc ông T mua nợ cây sầu riêng để trồng trọt canh tác, thu nguồn lợi phục vụ cho cuộc sống gia đình; khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông T, bà B; nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu đòi nợ của bà Nguyễn Thị H; buộc ông T bà B phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 21.950.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 288, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

Về yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy nợ không thể hiện việc thỏa thuận lãi nhưng có thể hiện thời hạn trả nên việc tính lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 trên số tiền chậm trả kể từ ngày đến hạn trả nợ, cụ thể: 10%/năm kể từ ngày 17/4/2022 cho đến ngày xét xử ngày 21/9/2023 phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; lãi được tính cụ thể như sau:

24.950.000 đồng x 10%/năm x 01 tháng 28 ngày (tính từ ngày 17/4/2022 đến 14/6/2022) = 402.000 đồng (làm tròn);

21.950.000 đồng x 10%/năm x 15 tháng 06 ngày (tính từ ngày 15/6/2022 đến 21/9/2023) = 2.780.000 đồng.

Tổng số nợ lãi là: 402.000 đồng + 2.780.000 đồng = 3.182.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi cần buộc ông T bà B phải trả cho bà Nguyễn Thị H tính đến ngày xét xử 21/9/2023 là: 21.950.000 đồng + 3.182.000 đồng = 25.132.000 đồng.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Về chi phí trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký: Do kết quả giám định chữ ký thể hiện chữ ký là của ông Nguyễn Văn T nên ông T phải chịu 5.900.000 đồng chi phí trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký. Do bà Nguyễn Thị H đã tạm ứng nên

ông T phải hoàn trả cho bà H số tiền 5.900.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 161, Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị B phải chịu số tiền (25.132.000 đồng x 5%) 1.256.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 595.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là phù hợp với quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 161; Điều 162; b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 288; khoản 2 Điều 357; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị B phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H tổng số 25.132.000 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng); Trong đó: Nợ gốc 21.950.000 đồng, nợ lãi 3.182.000 đồng (lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 21/9/2023).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí giám định chữ viết, chữ ký: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị B phải hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 5.900.000 đồng chi phí giám định chữ viết, chữ ký.

3. Về án phí:

Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Cao Thị B phải chịu số tiền 1.256.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 595.000 đồng

tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0020734 ngày 08/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND huyện K;*
- *Chi cục THADS huyện K;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Vp.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Văn Tín